

QUYẾT ĐỊNH
Công khai Dự toán thu ngân sách

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG KRÔNG ANA

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1454/SGDDĐT-KHTC ngày 12/10/2026 về việc điều chỉnh, giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 cho các đơn vị thực thuộc (sau sắp xếp cơ sở giáo dục);

Xét đề nghị của bộ phận tài chính trường THPT Krông Ana.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu ngân sách nhà nước năm 2026 (sau sắp xếp cơ sở giáo dục, theo biểu số liệu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận kế toán, các bộ phận liên quan và toàn thể cán bộ, viên chức nhà trường thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Công khai trên website của trường;
- Lưu: VT, HSCH.



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Văn Ninh

Đơn vị: Trường trung học phổ thông Krông Ana
Chương: 074

**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH
SAU SÁP NHẬP NĂM 2026 (THPT Krông Ana và THPT Hùng Vương)**

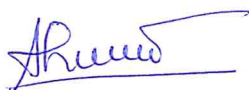
(Kèm theo Quyết định số: 187 /QĐ-KRNA Của Hiệu trưởng
trường trung học phổ thông Krông Ana)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước)

Đvt: đồng

STT	Nội dung	Dự toán còn lại sau sáp nhập (THPT Krông Ana năm	Dự toán còn lại sau sáp nhập (THPT Hùng Vương	Dự toán trung học phổ thông Krông Ana	Ghi chú
	Tổng số	11.610.655.351	7.599.819.258	19.210.474.609	
I/	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	873.250.112	677.109.508	1.550.359.620	0
	Số năm trước chuyển qua				
1/	Số thu phí, lệ phí (kể cả cấp bù)				
1,1	Lệ phí				
1,2	Phí (học phí)	0		0	
2/	Chi từ nguồn thu phí được để lại (cấp bù chi thường xuyên)	873.250.112	677.109.508	1.550.359.620	
2,1	Chi sự nghiệp: Giáo dục	0			
a/	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b/	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2,2	Chi quản lý hành chính				
3/	Số phí, lệ phí nộp thuế				
3,1	Lệ phí				
3,2	Phí (học phí)				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	10.737.405.239	6.922.709.750	17.660.114.989	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	10.737.405.239	6.922.709.750	17.660.114.989	
3,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (chi lương)	303.429.696	0	303.429.696	
3,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	10.433.975.543	6.922.709.750	17.356.685.293	
	Chi lương	6.979.854.000	4.492.624.249	11.472.478.249	

Chi thường xuyên	317.446.943	0	317.446.943	
Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí theo nghị định số 238/2025/NĐ-CP	889.650.000	1.062.300.000	1.951.950.000	
Kinh phí thực hiện chính sách học bổng và phương tiện học tập cho học sinh khuyết tật theo TTLT 42/2013	26.640.000	36.000.000	62.640.000	
Kinh phí thực hiện chính sách đối với học sinh bán trú và học viên bán trú theo Nghị định 66/2025/NĐ-CP	154.640.000	498.832.000	653.472.000	
Kinh phí chi trả cho hội đồng coi thi, điểm coi thi kì thi tốt nghiệp THPT năm 2026		74.384.501	74.384.501	
Sửa chữa, cải tạo sân thể dục (gd2), lát gạch sân trường	2.506.000		2.506.000	
Sửa chữa phòng hội trường, cầu nối phòng bộ môn với dãy nhà A và B	1.056.738.600		1.056.738.600	
Sơn sửa dãy phòng học 3 tầng	500.000		500.000	
Sửa dãy nhà 3 tầng 16p		54.767.000	54.767.000	
Làm hệ thống thoát nước xung quang		500.000	500.000	
Sơn sửa nhà 2 tầng 8 phòng học		26.302.000	26.302.000	
Quỹ tiền thưởng (Mã nguồn 18)	1.006.000.000	677.000.000	1.683.000.000	

Người lập



Phan Thị Thu Thảo

Thủ trưởng đơn vị




Phạm Văn Ninh

